

Bản án số: 31/2024/HS-ST

Ngày: 08 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Minh

Ông Phạm Trần Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Võ Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Đình T, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1995 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: **Xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Đình D** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị N**; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà **Phan Thị Kim Q** – Luật sư thuộc **Đoàn luật sư thành phố H**.

Địa chỉ: **7** (Tầng trệt) **C**, phường F, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Rơ Châm L**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: **Làng N, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/3/2023, **Cục Q1**, **Bộ C** tiến hành lập biên bản tạm giữ hộ

chiếu mang tên **Hoàng Văn T1** do nghi ngờ có dấu hiệu sử dụng giấy tờ giả được cấp tại tỉnh Gia Lai. Đến ngày 19/6/2023, **Cục Q1** bàn giao hồ sơ cho Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh G** làm rõ nếu có dấu hiệu tội phạm thì xử lý theo quy định pháp luật.

Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh G** đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Vào khoảng tháng 9 năm 2017, **Lê Đình T** sử dụng hộ chiếu mang tên của mình đi du lịch tại Cộng hòa Liên bang (CHLB) **N1** nhưng trốn ở lại để lao động tự do, đến tháng 12/2018 bị trục xuất về Việt Nam do hộ chiếu hết thị thực. Vì muốn đi xuất khẩu lao động sang **CHLB N1** nhưng không thể sử dụng hộ chiếu mang tên mình nên **T** sử dụng Facebook “Nguoi Bi An” (hiện tại Facebook này đã bị khóa) để lên nhóm Facebook của cộng đồng người Việt tại **C1** để hỏi về việc bị trục xuất nhưng muốn tìm cách quay trở lại **CHLB N1** thì được một đối tượng trong nhóm (không xác định được nhân thân, lai lịch) hướng dẫn phải thay đổi thông tin cá nhân rồi làm chứng minh nhân dân, hộ chiếu mới với chi phí là 30.000.000 đồng, **T** đồng ý, người này nói **T** chụp ảnh thẻ 3x4 cm để mang vào **huyện Đ, tỉnh Gia Lai**.

Đến khoảng đầu tháng 7 năm 2019, **T** đi từ **tỉnh Nghệ An đến thành phố P** và gặp một người đàn ông bật khẩu trang, **T** đưa cho người này 01 ảnh 3x4 và 5.000.000 đồng, khi nào làm xong chứng minh nhân dân và hộ chiếu với tên giả thì sẽ đưa tiếp 25.000.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau, người đàn ông này gọi điện cho **T** nói đã làm xong hồ sơ nhập hộ khẩu, yêu cầu **T** đến **thành phố P** để lấy hồ sơ đi làm chứng minh nhân dân, **T** vào **thành phố P** gặp người này tại quán cà phê gần **bến xe Đ**, người này đưa cho **T** 01 sổ hộ khẩu ở **xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai**, trong đó có thông tin đăng ký thường trú có tên **Hoàng Văn T1** (sinh ngày 09/02/1995; HKTT: **xã I, Đ, Gia Lai**; **T** không nhớ tên chủ hộ và ai đã đăng ký nhập hộ khẩu cho **T**) và nói đây là thông tin giả mà người này đã làm cho **T** và 01 đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân có chữ ký của **Rơ Châm L** (Trưởng **Công an xã I**) và dán ảnh của **T**, trong đơn đã ghi sẵn các thông tin **Hoàng Văn T1** có đóng dấu xác nhận của **Công an xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai**.

Người đàn ông này hướng dẫn **T** mang sổ hộ khẩu, đơn đến **Công an tỉnh G** để làm thủ tục cấp chứng minh nhân dân. Sau đó đến **Phòng Q - Công an tỉnh G** để làm hộ chiếu. Sau khi được cấp chứng minh nhân dân và đi làm hộ chiếu giả với tên **Hoàng Văn T1** thì **T** trả lại sổ hộ khẩu cho người đàn ông rồi quay về **Nghệ An**.

Khoảng 10 ngày sau **T** vào lại **thành phố P** lấy hộ chiếu và đưa số tiền còn lại là 25.000.000 đồng cho người đàn ông này.

Khoảng cuối tháng 8/2019, **T** tiếp tục vào nhóm Facebook của cộng đồng người Việt tại **C1** tìm dịch vụ làm hồ sơ xuất khẩu lao động thì có một tài khoản hướng

dẫn cho T địa chỉ ở Hà Nội để người này làm hồ sơ xuất khẩu sang CHLB N1 với số tiền là 30.000.000 đồng.

Ngày 03/10/2019, T sử dụng chứng minh nhân dân và hộ chiếu mang tên giả là Hoàng Văn T1 xuất cảnh sang nước CHLB N1 tại sân bay quốc tế T. Đến ngày 16/3/2023, T sử dụng hộ chiếu mang tên giả là Hoàng Văn T1 nhập cảnh về Việt Nam để thăm gia đình và điều trị bệnh lao hạch thì bị phát hiện và thu giữ hộ chiếu.

Cơ quan điều tra thu giữ 01 hộ chiếu mang tên Hoàng Văn T1; 01 chỉ bản mang tên Hoàng Văn T1; 01 tờ khai chứng minh nhân dân; 01 đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân; 01 hộ chiếu, 01 tờ khai dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước mang tên Hoàng Văn T1.

Tại Kết luận giám định số 843/KL-KTHS ngày 20/9/2023 và số 850/KL-KTHS ngày 27/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận:

- Dấu vân tay trên 01 Chỉ bản số 231434010, ghi họ tên Hoàng Văn T1; sinh ngày 09/02/1995; Nơi ĐKKHKT: Ia Krêl, Đ, Gia Lai (ký hiệu A1) với dấu vân tay trên 01 biên bản thu thập dấu vân tay của Lê Đình T; sinh ngày 10/01/1995; HKTT: xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; lập ngày 22/8/2023 tại Cơ quan ANĐT Công an tỉnh G (ký hiệu M) là: **Dấu vân tay của cùng một người in ra.**

- Dấu vân tay trên 01 tờ khai chứng minh nhân dân số 231434010, ghi họ tên Hoàng Văn T1; sinh ngày 09/02/1995; Nơi ĐKKHKT: Ia Krêl, Đ, Gia Lai (ký hiệu A2) với dấu vân tay trên 01 biên bản thu thập dấu vân tay của Lê Đình T; sinh ngày 10/01/1995; HKTT: xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; lập ngày 22/8/2023 tại Cơ quan ANĐT Công an tỉnh G (ký hiệu M) là: **Dấu vân tay của cùng một người in ra.**

- Hình dấu tròn có nội dung “☆ CÔNG AN HUYỆN ĐỨC CƠ TỈNH GIA LAI ☆ CÔNG AN XÃ IA KRÊ” trên “ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG MINH NHÂN DÂN”, ngày 01/7/2019; có chữ ký, chữ viết họ tên “Hoàng Văn T1”; chữ ký đứng tên “Rơ Châm L” và hình dấu tròn có nội dung “☆ CÔNG AN HUYỆN ĐỨC CƠ TỈNH GIA LAI ☆ CÔNG AN XÃ IA KRÊ” (ký hiệu A1) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên “BIÊN BẢN LÀM VIỆC”, năm 2023; có hình dấu tròn nội dung “☆ CÔNG AN HUYỆN ĐỨC CƠ TỈNH GIA LAI ☆ CÔNG AN XÃ IA KRÊ” (ký hiệu M1) **do cùng một con dấu đóng ra.**

- Chữ ký dưới mục “XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN Ia Krêl (Phường/xã/thị trấn nơi ĐKKH thường trú)” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của Rơ Châm L trên 02 “BẢN TỰ KHAI/BẢN TƯỜNG TRÌNH”, cùng đề ngày 28/6/2023, của Rơ Châm L, sinh ngày 12/12/1977 (ký hiệu M2, M3) **do cùng một người ký ra.**

- Chữ viết trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) [trừ chữ viết có nội dung: “Ia Krêl” tại mục “XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN... (Phường/xã/thị trấn nơi ĐKKH thường trú)” và chữ viết “01 07 2019” tại mục “Ngày...tháng...năm...”] so với chữ viết của **Rơ Châm L** trên các mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3) **không do cùng một người viết ra.**

- Chữ viết, chữ ký tại mặt trước mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết, chữ ký của **Lê Đình T** trên 03 “BẢN TỰ KHAI/BẢN TƯỜNG TRÌNH”, cùng đề ngày 22/8/2023 (03 bản) của **Lê Đình T**, sinh ngày 10/01/1995 (ký hiệu M4, M5, M6) **không phải do cùng một người viết và ký ra.**

- Chữ viết, chữ ký trên “TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số 231434010, ngày 09/7/2019; có chữ ký, chữ viết họ và tên “**Hoàng Văn T1**” (ký hiệu A2) [trừ chữ viết tại mục “2.”, “3. Số...”, “18. Dấu vết riêng và dị hình...”] so với chữ viết, chữ ký của **Lê Đình T** trên các mẫu so sánh (ký hiệu M4, M5, M6) **do cùng một người viết và ký ra.**

- Chữ viết nội dung “Hoàng Văn thiện” tại trang số 3 “HỘ CHIẾU”, số C8015155 (ký hiệu A3) so với chữ viết của **Lê Đình T** trên các mẫu so sánh (ký hiệu M4, M5, M6) **do cùng một người viết ra.**

*** Vật chứng đã thu giữ.**

- 01 Tờ khai chứng minh nhân dân mang tên **Hoàng Văn T1**
- 01 Đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân mang tên **Hoàng Văn T1**
- 01 Hộ chiếu mang tên **Hoàng Văn T1**
- 01 Tờ khai để được cấp hộ chiếu mang tên **Hoàng Văn T1** (bản photo có đóng dấu treo của **Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh G**).

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKSGL-P1 ngày 01 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo **Lê Đình T** về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

* Bị cáo **Lê Đình T** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, tự nhận thấy việc bị truy tố là đúng tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

* Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo **Lê Đình T** phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Đình T** từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Các tài liệu làm giả, đề nghị lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

* Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo; xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, để tạo điều kiện cho bị cáo vừa cải tạo, vừa chăm sóc gia đình và chữa trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành; mọi tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo **Lê Đình T** khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, do đó có căn cứ kết luận:

Năm 2018, bị cáo **Lê Đình T** bị trục xuất khỏi Cộng hoà liên bang **N1** do hộ chiếu hết thị thực nên không thể sử dụng hộ chiếu mang tên bị cáo để tiếp tục sang Cộng hoà liên bang **N1** lao động. Khoảng tháng 7/2019, bị cáo đã đến địa bàn tỉnh Gia Lai để liên hệ, cung cấp thông tin cá nhân, hình ảnh của bị cáo, trả tiền thuê người làm hồ sơ nhập hộ khẩu cho bị cáo với tên **Hoàng Văn T1**, sinh ngày 09/02/1995, hộ khẩu thường trú: **Xã I, Đ, Gia Lai** và 01 đơn đề nghị cấp giấy chứng minh nhân dân; bị cáo đã sử dụng tài liệu này để đến **Công an tỉnh G** làm thủ tục cấp Giấy chứng minh nhân dân, sau đó đến **phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh G** làm thủ tục cấp hộ chiếu và sử dụng thông tin cá nhân giả trên hộ chiếu để xuất cảnh trái phép sang Cộng hoà liên bang N1. Ngày 16/3/2023, bị cáo nhập cảnh về Việt Nam thì bị phát hiện.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung “phạm tội 2 lần trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, đã áp dụng tình tiết định khung “phạm tội 2 lần trở lên” nên không bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; có cha là ông **Lê Đình D** tham gia chiến đấu chống Mỹ, được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ giải phóng, Huân chương kháng chiến hạng ba, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Xét bị cáo lần đầu phạm tội có nguyên nhân từ việc muốn đi xuất khẩu lao động để có thu nhập tốt hơn, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Tuy nhiên, đối với người giúp cho bị cáo làm các tài liệu giả, bị cáo khai trực tiếp gặp, giao tiền, hình ảnh, thông tin cá nhân nhưng lại khai không biết rõ về người này cho thấy bị cáo chưa tỏ rõ ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới thỏa đáng và đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[4] Đối với hành vi của các đối tượng khác liên quan đến vụ án:

Đối với ông **Rơ Châm L** và người giúp **Lê Đình T** thay đổi thông tin cá nhân thành Hoàng Văn Thiện và nhập hộ khẩu vào **xã I, huyện Đ**: Chưa đủ căn cứ và thông tin để xem xét trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xem xét, xử lý khi có đủ căn cứ.

[5] Về vật chứng: Là các tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo **Lê Đình T** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Đình T** phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Đình T** 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án:

- 01 Tờ khai chứng minh nhân dân mang tên **Hoàng Văn T1**.
- 01 Đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân mang tên **Hoàng Văn T1**.
- 01 Hộ chiếu mang tên **Hoàng Văn T1**.

- 01 Tờ khai để được cấp hộ chiếu mang tên **Hoàng Văn T1** (bản photo có đóng dấu treo của **Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh G**).

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo **Lê Đình T** phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- Cơ quan ANĐT- CA tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV –CA tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Lưu HS, THS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Hồng